



tiān huā bǎn

天花板

Noun · ceiling

Example Sentences

tiān huā bǎn shì bái sè de
天花板是白色的。

The ceiling is white.

zhè ge fáng jiān de tiān huā bǎn hěn gāo
这个房间的天花板很高。

The ceiling of this room is very high.

tā tái tóu níng shì zhe tiān huā bǎn xiàn rù le duì wèi lái de chén sī
他抬头凝视着天花板，陷入了对未来的沉思。

He looked up at the ceiling, lost in contemplation about the future.

Trace each character, then write the word on your own.

天	天	天	天	天	天	天				
花	花	花	花	花	花	花	花	花	花	花
板	板	板	板	板	板	板	板	板	板	板